

KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ-ĐỊA LÍ LỚP 9
Năm học 2024 - 2025

1. Khung chương trình

Cả năm: 35 tuần (105 tiết). Lịch sử: 53 tiết. Địa lí: 52 tiết
 Học kì I: 18 tuần (54 tiết) (Lịch sử: 27 tiết, Địa 27 tiết)
 Học kì II: 17 tuần (51 tiết) (Lịch sử: 26 tiết, Địa 25 tiết)

HỌC KÌ I

| Tuần Số tiết | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 KTGK | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | Tổng |
|-----------------|-----|-----|-----|-----|----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|------|
| Lịch sử | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 27 |
| | 1,2 | 3,4 | 5,6 | 7,8 | 9, 10 | 11, 12 | 13, 14 | 15, 16 | 17,18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | |
| Địa lí | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 27 |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10, 11 | 12, 13 | 14, 15 | 16, 17 | 18, 19 | 20, 21 | 22, 23 | 24, 25 | 26, 27 | |

HỌC KÌ II

| Tuần Số tiết | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 KTGK | 28 | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | Tổng |
|-----------------|----|----|----|----|----|----|----|----|------------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|------|
| Lịch sử | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 26 |
| | 28 | 30 | 32 | 34 | 36 | 38 | 40 | 42 | 44 | 46 | 47 | 48 | 49 | 50 | 51 | 52 | 53 | |
| | 29 | 31 | 33 | 35 | 37 | 39 | 41 | 43 | 45 | | | | | | | | | |
| Địa lí | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 25 |
| | 28 | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | 36 | 37 38 | 39 40 | 41 42 | 43 44 | 45 46 | 47 48 | 49 50 | 51 52 | |

2. Kế hoạch thực hiện chương trình môn Địa lí- Lịch sử 9

2.1 Phân môn Lịch sử 9

HỌC KÌ I

| Tuần | Tiết | Bài dạy | Số tiết | Yêu cầu cần đạt |
|------|------|--|---------|--|
| 1 | 1 | Bài 1. Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945 | 1 | <ul style="list-style-type: none">- Nêu được những nét chính về nước Nga trước khi Liên Xô được thành lập.- Trình bày được những thành tựu và chỉ ra được hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô. |
| 1,2 | 2,3 | Bài 2. Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945 | 2 | <p>Trình bày được những nét chính về: phong trào cách mạng và sự thành lập Quốc tế Cộng sản; đại suy thoái kinh tế 1929 - 1933; sự hình thành chủ nghĩa phát xít ở châu Âu.</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhận biết được tình hình chính trị và sự phát triển kinh tế của nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới. |
| 3 | 4 | Bài 3. Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945 | 1 | <ul style="list-style-type: none">- Nêu được những nét chính về tình hình châu Á từ năm 1918 đến năm 1945. |
| 3,4 | 5,6 | Bài 4. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945) | 2 | <ul style="list-style-type: none">- Trình bày được nguyên nhân và diễn biến chủ yếu của Chiến tranh thế giới thứ hai.- Phân tích được hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại. <p>Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử, vai trò của Liên Xô và các nước trong Đồng minh trong chiến thắng chủ nghĩa phát xít.</p> |
| 5 | 7,8 | Bài 5. Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 - 1930 | 2 | <ul style="list-style-type: none">- Mô tả được những nét chính của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 - 1930. |
| 9 | 9 | Ôn tập | 1 | Khái quát được những kiến thức từ bài 1=>bài 5 |

| | | | | |
|--------|----------|---|---|--|
| 10 | 10 | Kiểm tra-đánh giá GKI | 1 | Học sinh đạt được các yêu cầu cần đạt về kiến thức, năng lực, phẩm chất đã có trong quá trình học từ bài 1 đến bài 5 |
| 10 | 11,12 | Bài 6. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những nét chính về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 - 1930. - Nhận biết được quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. |
| 11, 12 | 13,14 | Bài 7. Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 - 1939 | 2 | Mô tả được những nét chủ yếu của phong trào cách mạng giai đoạn 1930 - 1931 và 1936 - 1939 |
| 13 | 15,16,17 | Bài 8. Cách mạng tháng Tám năm 1945 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được tình hình Việt Nam dưới ách thống trị của Pháp - Nhật Bản. - Nhận biết được sự chuẩn bị của nhân dân Việt Nam tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền: chuyển hướng chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương; sự ra đời của Mặt trận Việt Minh; cao trào kháng Nhật cứu nước. - Trình bày được diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. - Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và đánh giá được vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. |
| 14 | 18 | Bài 9. Chiến tranh lạnh (1947 - 1989) | 1 | - Nhận biết được nguyên nhân, những biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh. |
| | 19,20 | Bài 10. Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991. Giải thích được sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu. |

| | | | | |
|----------|----------|---|---|--|
| 15 | 21,22 | Bài 11. Nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991 | 2 | - Nêu được những nét chính về chính trị, kinh tế của nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991. |
| 16 | 23,24,25 | Bài 12. Khu vực Mỹ La-tinh và châu Á từ năm 1945 đến năm 1991 | 3 | - Mô tả được đôi nét về các nước Mỹ Latinh từ năm 1945 đến năm 1991. - Trình bày được một cách khái quát về cách mạng Cuba và đánh giá được kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cuba. - Giới thiệu được những nét chính về Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1991. Trình bày được cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và quá trình phát triển của các nước Đông Nam Á, sự hình thành và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). |
| 17 | 26 | Ôn tập | 1 | Khái quát được những kiến thức từ bài 1=>bài 12 |
| 18 | 27 | Kiểm tra-đánh giá cuối HKI | 1 | Học sinh đạt được các yêu cầu cần đạt về kiến thức, năng lực, phẩm chất đã có trong quá trình học từ bài 1 đến bài 12 |
| 19 20 | 28,29 | Bài 13. Việt Nam trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 | 2 | Nhận biết được những biện pháp chủ yếu để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hoá, giáo dục, quân sự,... trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. |
| | 30,31 | Bài 14. Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1950) | 2 | - Trình bày được những nét chính về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Nam Bộ. - Giải thích được nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946) Nhận biết và giải thích được đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng. |
| 21 | 32,33 | Bài 15. Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm | 2 | - Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự, kinh tế, văn hoá, ngoại giao,... trong kháng chiến chống thực dân Pháp. - Nêu được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng |

| | | | | |
|----------|--------------|---|---|---|
| | | lược giai đoạn 1951 - 1954. | | chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) |
| 22 | 34,35 | Bài 16. Việt Nam kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thống nhất đất nước giai đoạn 1954- 1965 | 2 | - Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa (hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục và phát triển kinh tế, chi viện cho cách mạng miền Nam, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ,...). Mô tả được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 - 1965(phong trào Đồng khởi; đánh bại các chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”,...). |
| 23 | 6 | Ôn tập | 1 | Khái quát được những kiến thức từ bài 5=>bài 16 |
| 24 | 37 | Kiểm tra-đánh giá giữa HKII | 1 | Học sinh đạt được các yêu cầu cần đạt về kiến thức, năng lực, phẩm chất đã có trong quá trình học từ bài 5 đến bài 16 |
| 25 26 | 38,39 ,40 | Bài 17. Việt Nam kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thống nhất đất nước giai đoạn 1965 - 1975 | 3 | - Mô tả được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1965 - 1975 (“Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ; Tổng tiến công nổi dậy năm 1968, 1972; Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975,...). - Nêu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. |
| 27 | 41,42 | Bài 18. Việt Nam từ năm 1976 đến năm 1991 | 2 | - Trình bày được sự thống nhất đất nước về mặt nhà nước, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và vùng biên giới phía Bắc trong những năm 1975 - 1979, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo. - Nêu được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm 1976 – 1985 - Mô tả được đường lối Đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, giải thích |

| | | | | |
|----------|--------------|--|---|--|
| | | | | <p>được nguyên nhân, nêu được kết quả và ý nghĩa của công cuộc Đổi mới trong giai đoạn 1986 - 1991.</p> <p>Đánh giá được thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện đường lối Đổi mới</p> |
| 28 29 | 43,44 | Bài 19. Trật tự thế giới mới từ năm 1991 đến nay. Liên bang Nga và nước Mỹ từ năm 1991 đến nay | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh. - Nêu được tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay. - Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ từ năm 1991 đến nay. |
| 30 31 | 45,46 | Bài 20. Châu Á từ năm 1991 đến nay | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu được sự phát triển kinh tế - xã hội của các nước Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) từ năm 1991 đến nay. - Mô tả được quá trình phát triển của ASEAN từ năm 1991 đến nay và những nét chính của Cộng đồng ASEAN. |
| 32 33 | 47 | Bài 21. Việt Nam từ năm 1991 đến nay | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ra được những thành tựu tiêu biểu (trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh,...) của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay. |
| 34 35 | 48 | Bài 22. Cách mạng khoa học. kĩ thuật và xu thế toàn cầu hoá | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học kĩ thuật trên thế giới và ảnh hưởng của cuộc cách mạng đó đến Việt Nam. - Trình bày được những nét cơ bản về xu hướng toàn cầu hoá và đánh giá được tác động của toàn cầu hoá đối với thế giới và Việt Nam. |
| 36 | 49,50 ,51 | Chủ đề 3. Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông | 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những chứng cứ lịch sử, pháp lí về chủ quyền biển đảo Việt Nam. - Nêu được vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam trong việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. - Có hành động cụ thể thể hiện trách nhiệm đối với việc bảo vệ chủ |

| | | | | |
|----|----|-----------------------------|---|--|
| | | | | quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. |
| 37 | 52 | Ôn tập cuối HKII | | Khái quát được những kiến thức từ bài 16=>bài 22 chủ đề 3 |
| 38 | 53 | Kiểm tra-đánh giá cuối HKII | 1 | Học sinh đạt được các yêu cầu cần đạt về kiến thức, năng lực, phẩm chất đã có trong quá trình học từ bài 16 đến bài 22 và chủ đề 3 |

2.2. Phân môn Địa lí

| Tuầ n | Tiết | Bài dạy | Số tiết | Yêu cầu cần đạt |
|----------|------|---|---------|--|
| 1,2 | 1-2 | Bài 1. Dân tộc và dân số | 2 | - Trình bày được đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam. - Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư. - Vẽ và nhận xét được biểu đồ về gia tăng dân số. |
| 3 | 3 | Bài 2. Phân bố dân cư và các loại hình quần cư | 1 | - Đọc bản đồ dân số Việt Nam để rút ra được đặc điểm phân bố dân cư. - Trình bày được sự khác biệt giữa quần cư thành thị và quần cư nông thôn. |
| 4 | 4 | Bài 3. TH: Tìm hiểu vấn đề việc làm ở địa phương và phân hoá thu nhập theo vùng. | 1 | - Tìm hiểu và viết báo cáo phân tích vấn đề việc làm ở địa phương. - Sử dụng số liệu để nhận xét sự phân hoá thu nhập theo vùng ở nước ta. |
| 5,6 | 5-6 | Bài 4. Nông nghiệp <i>(Kiểm tra thường xuyên)</i> | 2 | - Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp. - Trình bày được sự phát triển và phân bố nông nghiệp. - Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh. |
| 7,8 | 7-8 | Bài 5. Lâm nghiệp và thủy sản | 2 | - Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thủy sản. - Trình bày được sự phát triển và phân bố lâm nghiệp, thủy sản. |
| 9 | 9 | Ôn tập giữa HK I | 1 | - Củng cố , hệ thống hóa kiến thức đã học từ đầu năm . - Rèn kỹ năng làm một số dạng bài tập thường gặp |

| | | | | |
|-------|----------|--|---|--|
| 10 | 10 | Kiểm tra giữa HK I | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá kết quả học tập của học sinh về các vấn đề: - Giáo viên thu được thông tin ngược từ phía học sinh qua bài kiểm tra để điều chỉnh cho phù hợp |
| 11 | 11 | Bài 6. TH: Viết báo cáo về một mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả. |
| 11,12 | 12-13 | Bài 7: Công nghiệp | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp. - Trình bày được sự phát triển và phân bố của một trong các ngành công nghiệp chủ yếu. - Giải thích được tại sao cần phát triển công nghiệp xanh. |
| 12 | 14 | Bài 8. TH: Xác định các trung tâm công nghiệp chính ở nước ta | 1 | <ul style="list-style-type: none"> Xác định được trên bản đồ các trung tâm công nghiệp chính. |
| 13 | 15-16 | Bài 9. Dịch vụ | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ. - Trình bày được sự phát triển ngành bưu chính viễn thông. - Xác định được trên bản đồ các tuyến đường bộ huyết mạch, các tuyến đường sắt, các cảng biển lớn và các sân bay quốc tế chính. |
| 14 | 17 | Bài 10. TH: Tìm hiểu xu hướng phát triển ngành thương mại, du lịch | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại và du lịch. |
| 14,15 | 18-19-20 | Bài 11. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (<i>Kiểm tra thường xuyên</i>) | 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. - Trình bày được đặc điểm phân hoá thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc; thế mạnh để phát triển công nghiệp, lâm – nông – thủy sản, du lịch. - Nhận xét được đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc, phân bố dân cư và chất lượng cuộc sống dân cư. - Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế của vùng. |

| | | | | |
|-------|----------|---|---|--|
| | | | | - Vẽ được sơ đồ tư duy thể hiện các thế mạnh về tự nhiên để phát triển kinh tế – xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. |
| 16,17 | 21-22-23 | Bài 12. Vùng Đồng bằng sông Hồng | 3 | - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. - Phân tích được thế mạnh của vùng về tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; vấn đề phát triển kinh tế biển. - Phân tích được đặc điểm dân cư, nguồn lao động và ảnh hưởng của các nhân tố này đến sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng. - Phân tích được vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng; vị thế của Thủ đô Hà Nội. - Trình bày được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Hồng. |
| 17 | 24 | Bài 13. TH: Tìm hiểu về Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ | 1 | Sưu tầm tư liệu và trình bày được về Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. |
| 18 | 25 | Ôn tập HK I | 1 | - Đánh giá kết quả học tập của học sinh từ trong chương trình từ đầu học kỳ I |
| 18 | 26 | Kiểm tra đg HK I | 1 | - Phân biệt được thời tiết và khí hậu. - Trình bày được khái quát đặc điểm của một trong các đới khí hậu trên Trái Đất. - Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu. - Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai |
| 19,20 | 27-28 | Bài 14. Bắc Trung Bộ | 2 | - Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của Bắc Trung Bộ.– - Trình bày được đặc điểm phân hoá của tự nhiên và giải thích ảnh hưởng của tự nhiên đến sự hình thành cơ cấu kinh tế của Bắc Trung Bộ. - Trình bày được vấn đề phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Bắc Trung Bộ. - Trình bày và giải thích được đặc điểm phân bố dân cư ở Bắc Trung Bộ. |

| | | | | |
|-------|-------|---|---|--|
| | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được sự phát triển và phân bố kinh tế ở Bắc Trung Bộ. - Phân tích được thế mạnh về du lịch ở Bắc Trung Bộ. - Phân tích được vấn đề phát triển kinh tế biển ở Bắc Trung Bộ. |
| 21,22 | 29-30 | Bài 15. Duyên hải Nam Trung Bộ <i>(Kiểm tra thường xuyên)</i> | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của Duyên hải Nam Trung Bộ.– Phân tích được các đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, các thế mạnh và hạn chế chính. - Trình bày được sự phân bố dân cư, dân tộc. - Phân tích được những chuyển biến trong phát triển và phân bố kinh tế của Duyên hải Nam Trung Bộ. - Phân tích được sự phát triển của một số ngành kinh tế thế mạnh của Duyên hải Nam Trung Bộ. - Trình bày được về Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. |
| 23 | 31 | Bài 16. TH: Phân tích ảnh hưởng của hạn hán và sa mạc hoá đối với phát triển kinh tế- xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận- Bình Thuận | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng sơ đồ tư duy để phân tích được ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá đối với phát triển kinh tế – xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận. |
| 24,25 | 32-33 | Bài 17. Vùng Tây Nguyên | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. - Trình bày được thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng. - Nhận xét được đặc điểm dân cư, văn hoá của các dân tộc Tây Nguyên. - Trình bày được sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế thế mạnh của vùng Tây Nguyên. - Trình bày được các vấn đề môi trường trong phát triển. |
| 26 | 34 | Ôn tập giữa HK II | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - củng cố kiến thức đã học . |

| | | | | |
|-------|--------|---|---|--|
| 27 | 35 | Kiểm tra giữa HK II | 1 | - Đánh giá kết quả học tập của học sinh từ trong chương trình học kỳ II |
| 28 | 36-37 | Bài 18. Vùng Đông Nam Bộ | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. - Phân tích được các thế mạnh, hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng. - Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hoá ở vùng Đông Nam Bộ. - Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế thế mạnh của vùng. - Phân tích được ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng. - Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh. |
| 29 | 38 | Bài 19. TH: Tìm hiểu vùng kinh tế trọng điểm phía Nam | 1 | Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về sự phát triển của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. |
| 29,30 | 39-40 | Bài 20. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. - Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng. - Phân tích được đặc điểm dân cư; một số vấn đề xã hội của vùng. - Trình bày được sự phát triển và phân bố một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng. - Trình bày được về Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long. |
| 30 | 41 | Bài 21. TH: Tìm hiểu về tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long (<i>Kiểm tra thường xuyên</i>) | 1 | Tìm hiểu thông tin và phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long; đề xuất giải pháp ứng phó. |
| 31,32 | 42-43- | Bài 22. Phát triển tổng hợp kinh tế và | 3 | -Trình bày được trên sơ đồ các vùng biển quốc gia; xác định trên bản đồ các huyện đảo và các tỉnh có các huyện đảo đó. |

| | | | | |
|-------|----------|---|---|---|
| | 44 | bảo vệ tài nguyên môi trường biển đảo | | <p>–Trình bày được nội dung phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển; ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển đảo đối với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.</p> <p>–Phân tích được vấn đề khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.</p> |
| 32,33 | 45-46-47 | Chủ đề 1: Đô thị: Lịch sử và hiện tại | 3 | <p>-Trình bày được vai trò của đô thị đối với sự phát triển vùng với tư cách là trung tâm quyền lực và kinh tế của vùng, đất nước, khu vực.</p> <p>-Mô tả được quá trình đô thị hoá thời kì xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp.</p> <p>-Nêu được tác động của đô thị hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội.</p> |
| 34,35 | 48-49-50 | Chủ đề 2: Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long | 3 | <p>–Trình bày được những nét đặc sắc về văn hoá ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long thông qua việc tìm hiểu về văn minh các dòng sông.</p> <p>– Phân tích được những biểu hiện của biến đổi khí hậu ở hai vùng châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long.</p> <p>– Nêu được tác động của biến đổi khí hậu đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long.</p> <p>– Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu liên quan đến vùng châu thổ của hai đồng bằng hiện đại.</p> |
| 35 | 51 | Ôn tập HK II | 1 | - Cùng cố kiến thức đã học trong chương trình |
| 35 | 52 | Kiểm tra đg HK II | 1 | - Đánh giá kết quả học tập của học sinh từ trong chương trình học kỳ II |

2. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá

Môn Lịch sử - Địa lí 9

| Bài kiểm tra đánh giá | Thời gian | Địa điểm | Yêu cầu cần đạt | Hình thức |
|-----------------------|-----------|--------------------|--|--|
| Thường xuyên 1 | Dưới 15' | Trong các tiết học | - Đảm bảo yêu cầu cần đạt trong Chương trình GDPT 2018 | hỏi - đáp, thuyết trình, sản phẩm học tập. |
| Thường xuyên 2 | Dưới 35' | Tuần 6-7;21-22 | | Trắc nghiệm/ sản phẩm học tập |

| | | | | |
|----------------|----------|--------------------|---|--|
| Thường xuyên 3 | Dưới 15' | Trong các tiết học | - Kiểm tra khả năng tiếp thu kiến thức ở trên lớp và khả năng tự học bài ở nhà của HS. Từ kết quả kiểm tra các em tự đánh giá mình trong việc học tập nội dung trên, từ đó điều chỉnh hoạt động học tập trong các nội dung sau. | hỏi - đáp, thuyết trình, thực hành, sản phẩm học tập |
| Thường xuyên 4 | Dưới 35' | Tuần 6-7; 21-22 | | Bài thực hành/sản phẩm học tập (Địa lí) |
| Đánh giá GK1 | 90' | Tuần 9 | - Đảm bảo yêu cầu cần đạt trong Chương trình GDPT 2018 - Lịch sử: Bài 1- Bài 9 - Địa lí: Bài 1-Bài 5 | Trắc nghiệm 40%: Sử 50% (8 câu-2.đ) Địa 50% (8 câu-2đ) Tự luận 60%: - Sử 50% - 3đ; Địa 50%- 3đ |
| Đánh giá CK 1 | 90' | Tuần 18 | - Đảm bảo yêu cầu cần đạt trong Chương trình GDPT 2018 - Lịch sử: Bài 6- Bài 12 - Địa lí: Bài 1- Bài 13 | Trắc nghiệm 40%: Sử 50% (8 câu-2.đ) Địa 50% (8 câu-2đ) Tự luận 60%: - Sử 50% - 3đ; Địa 50%- 3đ |
| Đánh giá GK 2 | 90' | Tuần 27 | - Đảm bảo yêu cầu cần đạt trong Chương trình GDPT 2018 - Lịch sử: Bài 10 –Bài 18 - Địa lí: Bài 6- Bài 17 | Trắc nghiệm 40%: Sử 50% (8 câu-2.đ) Địa 50% (8 câu-2đ) |
| Đánh giá CK 2 | 90' | Tuần 35 | - Đảm bảo yêu cầu cần đạt trong Chương trình GDPT 2018 - Lịch sử: Bài 13-Bài 22 và chủ đề III - Địa lí: Bài 14- Bài 22 và chủ đề I, II | Trắc nghiệm 40%: Sử 50% (8 câu-2.đ) Địa 50% (8 câu-2đ) |

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

Vĩnh Bảo, ngày 18 tháng 8 năm 2024
Người lập

Phạm Thị Nga Thanh

XÁC NHẬN CỦA BAN GIÁM HIỆU